

Phát triển du lịch sinh thái ở Miền Tây Nghệ An

TS. Nguyễn Việt Chính, Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận, thực trạng, hạn chế và hàm ý chính sách đối với phát triển du lịch sinh thái ở miền Tây Nghệ An trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và tái cấu trúc không gian phát triển của tỉnh theo Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp từ các văn bản pháp luật, quy hoạch, báo cáo quản lý nhà nước, số liệu ngành du lịch giai đoạn 2021-2025, cùng với việc kế thừa các nghiên cứu học thuật trong và ngoài nước về du lịch sinh thái, bài viết cho thấy miền Tây Nghệ An sở hữu lợi thế nổi trội về đa dạng sinh học, cảnh quan rừng - sông - thác - hang động, văn hóa bản địa của các cộng đồng dân tộc thiểu số, và vị thế đặc biệt của Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An. Tuy nhiên, tăng trưởng du lịch của tỉnh chưa đồng nghĩa với sự bứt phá của du lịch sinh thái; cơ cấu khách và doanh thu còn nghiêng mạnh về du lịch biển và du lịch ngắn ngày, trong khi các điểm đến sinh thái miền Tây còn đối mặt với các điểm nghẽn về hạ tầng kết nối, sản phẩm, nhân lực, liên kết chuỗi giá trị, quản trị điểm đến, chia sẻ lợi ích với cộng đồng và năng lực ứng dụng công nghệ. Từ đó, bài viết đề xuất một hệ thống giải pháp theo hướng quản trị tích hợp tài nguyên - không gian - cộng đồng - doanh nghiệp - công nghệ, nhấn mạnh yêu cầu hình thành các cụm sản phẩm đặc thù, cơ chế điều phối liên ngành, đầu tư hạ tầng xanh, chuyển đổi số điểm đến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm sinh kế cộng đồng như điều kiện cốt lõi để phát triển du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An theo hướng bền vững từ năm 2026.

Từ khóa: du lịch sinh thái; miền Tây Nghệ An; khu dự trữ sinh quyển; du lịch cộng đồng; phát triển bền vững; chính sách du lịch

Abstract: This paper examines the theoretical foundations, current conditions, constraints and policy implications for ecotourism development in Western Nghe An. Using secondary data, legal and planning documents, provincial tourism statistics for 2021-2025, and international ecotourism literature, the study argues that the region possesses exceptional comparative advantages in biodiversity, forest landscapes, indigenous cultures and biosphere-based destination development. Yet the growth of Nghe An tourism has not translated into a proportional breakthrough for ecotourism in the western subregion. Major bottlenecks remain in connectivity, product structuring, destination governance, human resources, community benefit-sharing and digital transformation. The paper proposes an integrated policy framework for 2026 onward, centred on green infrastructure, cluster-based product development, community-centred governance, digital destination management and conservation-linked livelihoods.

1. Giới thiệu

Trong cấu trúc phát triển du lịch hiện đại, du lịch sinh thái không còn được hiểu đơn giản như hoạt động tham quan thiên nhiên, mà là một phương thức tổ chức khai thác tài nguyên du lịch dựa trên nguyên tắc bảo tồn hệ sinh thái, tôn trọng văn hóa bản địa, giáo dục môi trường, tạo sinh kế cho cộng đồng và phân phối lợi ích theo hướng bền vững. Quan niệm này phù hợp với cách tiếp cận của Ceballos-Lascuráin (1996), Honey (2008), Weaver

(2001) và Buckley (2009), theo đó giá trị cốt lõi của du lịch sinh thái nằm ở sự cân bằng giữa bảo tồn, trải nghiệm và phát triển địa phương. Đối với Việt Nam, Luật Du lịch năm 2017 và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với tài nguyên, cộng đồng và phát triển bền vững. Trong bối cảnh ấy, miền Tây Nghệ An nổi lên như một không gian có tiềm năng đặc biệt cho phát triển du lịch sinh thái nhờ quỹ tài nguyên rừng, sông suối, thác ghềnh, hang động, khí hậu sinh thái, bản sắc dân tộc và hệ giá trị của Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An được UNESCO công nhận.

Tuy nhiên, từ góc độ khoa học chính sách, tiềm năng lớn không tự động chuyển hóa thành năng lực cạnh tranh điểm đến. Giai đoạn 2021-2025 cho thấy tổng lượng khách du lịch của Nghệ An phục hồi và tăng nhanh sau đại dịch, nhưng lợi ích của tăng trưởng ấy phân bổ chưa đồng đều theo không gian và loại hình sản phẩm. Các địa bàn ven biển và khu vực đô thị tiếp tục chiếm ưu thế về dòng khách, trong khi các huyện miền Tây - nơi tập trung tài nguyên sinh thái cốt lõi - vẫn ở trạng thái “giàu tiềm năng nhưng nghèo giá trị gia tăng”. Đây chính là nghịch lý phát triển cần được phân tích sâu cả ở bình diện lý luận lẫn thực tiễn.

Bài viết hướng tới ba mục tiêu nghiên cứu. Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu về phát triển du lịch sinh thái dưới góc nhìn phát triển bền vững, quản trị điểm đến và sinh kế cộng đồng. Thứ hai, phân tích thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở miền Tây Nghệ An giai đoạn 2021-2025 trên các phương diện tài nguyên, hạ tầng, sản phẩm, thị trường, quản trị, nguồn nhân lực, công nghệ và khả năng liên kết. Thứ ba, đề xuất các kiến nghị chính sách và giải pháp khả thi cho giai đoạn từ năm 2026, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 39-NQ/TW năm 2023 về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cùng các định hướng mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2024. Bài viết tập trung phân tích sự tích hợp giữa tài nguyên sinh thái, năng lực quản trị, cơ chế chính sách mới, biến đổi môi trường kinh doanh du lịch và yêu cầu chuyển đổi số của điểm đến trong bối cảnh phát triển mới sau đại dịch.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái

Về phương diện khái niệm, du lịch sinh thái không nên được hiểu một cách giản đơn là hoạt động du lịch diễn ra trong môi trường tự nhiên, mà phải được nhận diện như một mô hình phát triển du lịch có điều kiện, có chuẩn mực và có ràng buộc trách nhiệm rõ ràng đối với tài nguyên, cộng đồng và tương lai của điểm đến. Ceballos-Lascuráin (1996), một trong những học giả nền tảng của lĩnh vực này, cho rằng du lịch sinh thái là hoạt động du lịch đến những khu vực tự nhiên còn tương đối nguyên sơ nhằm mục đích thưởng ngoạn, nghiên cứu, học hỏi và trân trọng cảnh quan, động thực vật hoang dã cũng như các giá trị văn hóa gắn liền với các khu vực đó. Cách tiếp cận này đặt nền móng cho việc phân biệt du lịch sinh thái với các loại hình du lịch đại trà dựa trên hai tiêu chí cốt lõi: thứ nhất là sự gắn bó hữu cơ với hệ sinh thái tự nhiên; thứ hai là yêu cầu về nhận thức, giáo dục và thái độ trân

trọng đối với thiên nhiên và văn hóa bản địa. Nói cách khác, tài nguyên tự nhiên trong du lịch sinh thái không chỉ là “đầu vào” để tạo nên sản phẩm du lịch, mà còn là đối tượng cần được bảo vệ, diễn giải và tái tạo giá trị thông qua cơ chế quản trị phù hợp.

Tuy nhiên, chỉ dựa vào yếu tố “gắn với thiên nhiên” thì chưa đủ để xác lập bản chất của du lịch sinh thái. Honey (2008) đã phát triển cách hiểu sâu hơn khi nhấn mạnh rằng một hoạt động chỉ thực sự mang ý nghĩa du lịch sinh thái khi nó đồng thời đáp ứng các chuẩn mực về giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tạo nguồn lực tài chính cho bảo tồn, tăng quyền năng cho cộng đồng địa phương, tôn trọng các giá trị văn hóa bản địa và nâng cao nhận thức của du khách. Với cách tiếp cận này, du lịch sinh thái không còn là một nhánh hẹp của thị trường du lịch dựa vào thiên nhiên, mà trở thành một mô hình phát triển có tính chuẩn tắc, trong đó mục tiêu kinh tế phải được đặt trong mối quan hệ cân bằng với mục tiêu sinh thái và xã hội. Đây chính là điểm khác biệt có ý nghĩa lý luận rất quan trọng giữa du lịch sinh thái và nhiều hình thức “du lịch xanh” mang tính tuyên bố hình ảnh nhưng thiếu cơ chế bảo tồn thực chất. Khi một điểm đến gia tăng lượng khách và doanh thu nhưng làm suy giảm đa dạng sinh học, phá vỡ cấu trúc văn hóa cộng đồng, hoặc đẩy người dân địa phương ra ngoài chuỗi giá trị, thì về bản chất, đó không phải là phát triển du lịch sinh thái, dù có thể vẫn được quảng bá dưới nhãn “eco”.

Ở góc độ phân tích phê phán, Weaver (2001) và Buckley (2009) lưu ý rằng du lịch sinh thái luôn mang trong nó tính hai mặt. Nếu được thiết kế và quản trị tốt, nó có thể trở thành công cụ hữu hiệu để nội hóa giá trị của tài nguyên thiên nhiên, tạo động lực kinh tế cho bảo tồn, đa dạng hóa sinh kế địa phương và củng cố hình ảnh điểm đến theo hướng bền vững. Ngược lại, nếu quản trị yếu, thiếu kiểm soát sức chứa, thiếu tiêu chuẩn vận hành và thiếu cơ chế phân phối lợi ích công bằng, du lịch sinh thái có thể nhanh chóng bị thương mại hóa, bị biến thành “vỏ bọc xanh” cho khai thác tài nguyên, bê tông hóa không gian tự nhiên hoặc tiêu dùng cảnh quan theo logic ngắn hạn. Nhận định này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh nhiều địa phương hiện nay có xu hướng đồng nhất phát triển du lịch sinh thái với việc mở đường vào rừng, xây thêm cơ sở lưu trú hoặc gắn biển “eco” cho các dự án nghỉ dưỡng, trong khi các nguyên tắc cốt lõi về bảo tồn, sức chứa sinh thái, quản trị cộng đồng và giám sát tác động lại chưa được đặt đúng vị trí trung tâm. Vì vậy, về mặt lý luận, du lịch sinh thái cần được tiếp cận không chỉ như một loại hình sản phẩm mà còn như một cơ chế quản trị phát triển, trong đó chất lượng thể chế quyết định phần lớn chất lượng tăng trưởng của ngành.

Từ các tiếp cận nêu trên, có thể khái quát rằng phát triển du lịch sinh thái là quá trình chuyển hóa có kiểm soát các giá trị của tài nguyên sinh thái và văn hóa bản địa thành hệ thống sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm du lịch có giá trị gia tăng, nhưng được vận hành trong khuôn khổ các nguyên tắc bảo tồn, giới hạn sức chứa, trách nhiệm xã hội và chia sẻ lợi ích công bằng. Như vậy, phát triển du lịch sinh thái không phải là quá trình khai thác tối đa tài nguyên để tối đa hóa doanh thu ngắn hạn, mà là quá trình tối ưu hóa đồng thời ba nhóm mục tiêu: hiệu quả kinh tế, toàn vẹn sinh thái và công bằng xã hội. Ở đây, tài nguyên thiên nhiên không còn được nhìn nhận như một nguồn lực có thể tiêu dùng vô hạn, mà là một dạng vốn tự nhiên có giới hạn, dễ bị tổn thương và cần được tái đầu tư thông qua các cơ chế bảo tồn, phục hồi và giám sát nghiêm ngặt. Tương tự, văn hóa bản địa không chỉ là

“màu sắc” để tăng sức hấp dẫn du lịch, mà là cấu phần của vốn văn hóa cộng đồng, cần được tôn trọng, bảo vệ và khai thác một cách có đạo đức, tránh xu hướng sân khấu hóa, thương mại hóa hoặc làm nghèo nội dung bản sắc.

Xét về tiêu chí đánh giá, thành công của phát triển du lịch sinh thái không thể đo lường chỉ bằng lượng khách, thời gian lưu trú hay tổng doanh thu. Những chỉ báo đó cần thiết nhưng không đủ, bởi chúng phản ánh phần “bề nổi” của tăng trưởng du lịch hơn là chất lượng phát triển. Một mô hình du lịch sinh thái được coi là thành công về bản chất phải được đánh giá đồng thời qua nhiều chiều cạnh: mức độ bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái; khả năng duy trì hoặc cải thiện đa dạng sinh học; mức độ tham gia thực chất của cộng đồng địa phương vào sở hữu, quản trị và hưởng lợi; khả năng tạo sinh kế bền vững và việc làm có chất lượng; mức độ kéo dài chuỗi giá trị tại chỗ thay vì thất thoát thu nhập ra bên ngoài; năng lực kiểm soát tải lượng khách và chất thải; mức độ hài hòa giữa phát triển hạ tầng và bảo tồn cảnh quan; cũng như sức chống chịu của điểm đến trước các cú sốc như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai hoặc biến động nhu cầu thị trường. Cách nhìn này cho thấy phát triển du lịch sinh thái thực chất là bài toán về “chất lượng tăng trưởng”, chứ không đơn thuần là “quy mô tăng trưởng”.

Dưới góc độ kinh tế học phát triển và quản lý kinh tế, du lịch sinh thái có thể được xem là một lĩnh vực đặc thù, nơi sự tương tác giữa thị trường và thể chế diễn ra rất mạnh. Bản thân thị trường không tự động tạo ra kết quả tối ưu trong du lịch sinh thái, bởi tài nguyên môi trường thường mang đặc tính hàng hóa công hoặc bán công, dễ phát sinh ngoại ứng, bất cân xứng thông tin và hành vi khai thác quá mức. Nếu chỉ dựa vào tín hiệu lợi nhuận ngắn hạn, các chủ thể kinh doanh có thể có xu hướng ưu tiên lượng khách, xây dựng hạ tầng nhanh và khai thác tài nguyên vượt ngưỡng chịu tải, trong khi chi phí môi trường và xã hội lại bị đẩy sang cộng đồng hoặc thế hệ tương lai. Do đó, phát triển du lịch sinh thái luôn cần vai trò kiến tạo của Nhà nước và cơ chế phối hợp nhiều bên nhằm điều chỉnh hành vi thị trường, thiết lập giới hạn khai thác, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, bảo vệ quyền lợi cộng đồng và định hướng đầu tư theo mục tiêu dài hạn. Nói cách khác, đây là một lĩnh vực mà hiệu quả không chỉ được quyết định bởi năng lực kinh doanh, mà còn phụ thuộc sâu sắc vào năng lực quy hoạch, năng lực điều tiết và năng lực thực thi chính sách công.

Tiếp cận từ góc độ quản lý kinh tế cho phép nhìn nhận phát triển du lịch sinh thái như một bài toán tổng hợp về phân bổ nguồn lực và thiết kế thể chế. Trước hết, đó là bài toán quy hoạch không gian, tức là xác định khu vực nào được ưu tiên bảo tồn nghiêm ngặt, khu vực nào có thể khai thác có kiểm soát, khu vực nào phù hợp với các loại hình trải nghiệm sinh thái, giáo dục môi trường hay du lịch cộng đồng. Nếu thiếu quy hoạch tích hợp, phát triển du lịch sinh thái rất dễ rơi vào tình trạng chồng lấn mục tiêu giữa bảo tồn, khai thác du lịch, phát triển hạ tầng và nhu cầu sinh kế địa phương. Thứ hai, đó là bài toán đầu tư công và đầu tư dẫn dắt. Nhiều điểm đến sinh thái tiềm năng nằm ở vùng sâu, vùng xa, có chi phí tiếp cận cao, hạ tầng kỹ thuật yếu và thị trường chưa đủ lớn để khu vực tư nhân tự phát đầu tư ngay từ đầu. Trong trường hợp này, đầu tư công vào giao thông kết nối, hạ tầng số, hạ tầng môi trường, hệ thống cảnh báo rủi ro và đào tạo nhân lực giữ vai trò mở đường. Thứ ba, đó là bài toán cơ chế ưu đãi và điều phối đầu tư tư nhân theo hướng chọn lọc, tránh thu hút bằng mọi giá các dự án quy mô lớn nhưng tiêu tốn tài nguyên, phá vỡ cảnh quan hoặc

không gắn kết với cộng đồng. Thứ tư, đó là bài toán tiêu chuẩn hóa dịch vụ, giám sát môi trường, kiểm soát tải lượng khách và xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ quản trị điểm đến theo thời gian thực.

Một nội dung lý luận rất quan trọng khác là mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với cộng đồng địa phương. Trong nhiều trường hợp, cộng đồng là chủ thể đang sống trong hoặc xung quanh không gian sinh thái được khai thác du lịch; họ vừa là người giữ gìn tri thức bản địa, phong tục, nghề truyền thống và cảnh quan văn hóa, vừa là đối tượng chịu tác động trực tiếp từ các quyết định phát triển. Vì vậy, phát triển du lịch sinh thái chỉ bền vững khi cộng đồng không bị xem như lực lượng “phụ trợ”, mà phải được đặt vào vị trí đồng sáng tạo giá trị, đồng quản trị tài nguyên và đồng hưởng lợi từ sự phát triển. Về mặt lý luận, đây là nguyên tắc then chốt để tránh “nghịch lý điểm đến”: tài nguyên nằm trên địa bàn cộng đồng nhưng phần lớn giá trị kinh tế lại chảy ra ngoài cho các doanh nghiệp ngoại sinh, trong khi người dân địa phương chỉ nhận phần lợi ích thấp hoặc chịu thêm chi phí môi trường, xã hội và văn hóa. Vì thế, một mô hình du lịch sinh thái được thiết kế tốt phải làm rõ cơ chế chia sẻ lợi ích, cơ chế đào tạo và nâng cao năng lực cộng đồng, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ địa phương tham gia chuỗi giá trị, cũng như cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận đất đai, tài nguyên và tiếng nói của người dân trong quy trình ra quyết định.

Bên cạnh đó, phát triển du lịch sinh thái còn phải được đặt trong mối liên hệ với lý thuyết chuỗi giá trị và phát triển vùng. Không ít điểm đến sinh thái có sức hấp dẫn về tài nguyên nhưng giá trị gia tăng địa phương vẫn thấp do chuỗi cung ứng du lịch mỏng, tỷ lệ nhập đầu vào cao, liên kết yếu giữa du lịch với nông nghiệp, thủ công, vận tải, văn hóa và dịch vụ hỗ trợ. Điều này cho thấy, về mặt lý luận, phát triển du lịch sinh thái không thể dừng ở việc “có điểm tham quan” mà phải hướng tới hình thành hệ sinh thái kinh tế địa phương xoay quanh điểm đến, trong đó mỗi mắt xích như lưu trú cộng đồng, ẩm thực bản địa, nông sản sạch, quà tặng thủ công, hướng dẫn viên bản địa, vận tải nhỏ, diễn giải văn hóa, giáo dục trải nghiệm đều góp phần kéo dài thời gian lưu trú, tăng chi tiêu bình quân và giữ lại giá trị trong vùng. Khi chuỗi giá trị địa phương được kéo dài và làm dày, du lịch sinh thái mới thực sự trở thành động lực lan tỏa phát triển chứ không chỉ là hoạt động khai thác cảnh quan đơn tuyến.

Trong bối cảnh hiện nay, cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái cũng cần được mở rộng để bao hàm các yêu cầu mới của chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và quản trị thông minh điểm đến. Công nghệ số, dữ liệu lớn, GIS, trí tuệ nhân tạo, cảm biến môi trường hay nền tảng số quảng bá và đặt dịch vụ không làm thay đổi bản chất của du lịch sinh thái, nhưng có thể nâng cao mạnh mẽ năng lực quản trị nếu được sử dụng đúng cách. Chẳng hạn, dữ liệu số có thể hỗ trợ theo dõi dòng khách, dự báo mùa vụ, giám sát sức chứa, nhận diện rủi ro cháy rừng hoặc suy giảm chất lượng môi trường; AI có thể hỗ trợ phân tích hành vi du khách, tối ưu hóa truyền thông điểm đến, cá thể hóa trải nghiệm và nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi dịch vụ; còn bản đồ số và nền tảng diễn giải thông minh có thể tăng giá trị giáo dục môi trường, giảm áp lực lên những khu vực nhạy cảm thông qua điều tiết luồng khách. Dù vậy, từ góc độ lý luận, công nghệ chỉ là công cụ, không thể thay thế các nguyên tắc nền tảng của du lịch sinh thái. Một điểm đến “thông minh” nhưng khai thác vượt sức

chứa, gạt cộng đồng ra bên lề hoặc làm tổn hại hệ sinh thái thì vẫn không thể được coi là phát triển du lịch sinh thái bền vững.

Từ toàn bộ phân tích trên có thể khẳng định rằng phát triển du lịch sinh thái là một quá trình phát triển phức hợp, đa mục tiêu và phụ thuộc mạnh vào chất lượng thể chế. Đây là lĩnh vực đan cài giữa kinh tế môi trường, quản trị công, phát triển vùng, kinh tế văn hóa, quản trị chuỗi giá trị và quản trị điểm đến. Do đó, nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái không thể chỉ nhìn từ góc độ tài nguyên hay thị trường, mà cần tiếp cận theo tư duy hệ thống, trong đó tài nguyên sinh thái, cộng đồng bản địa, doanh nghiệp, Nhà nước, hạ tầng, công nghệ, thể chế và thị trường tương tác với nhau trong một cấu trúc động. Từ góc nhìn đó, mục tiêu cuối cùng của phát triển du lịch sinh thái không phải là tăng trưởng du lịch bằng mọi giá, mà là tạo lập một mô hình phát triển trong đó giá trị kinh tế được tạo ra cùng chiều với bảo tồn thiên nhiên, củng cố bản sắc văn hóa, nâng cao phúc lợi cộng đồng và tăng sức chống chịu của điểm đến trong dài hạn.

2.2. Tổng quan nghiên cứu và khung phân tích

Các nghiên cứu quốc tế thường tập trung vào năm nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất phân tích quan hệ giữa du lịch sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, chỉ ra rằng du lịch sinh thái chỉ tạo ra hiệu quả bảo tồn khi được gắn với cơ chế quản lý vùng lõi - vùng đệm và chia sẻ lợi ích minh bạch (Buckley, 2009). Nhóm thứ hai nghiên cứu vai trò của cộng đồng địa phương, cho thấy sự tham gia thực chất của cộng đồng là điều kiện quyết định đối với tính chính danh và tính bền vững của điểm đến (Scheyvens, 1999; Stone & Stone, 2011). Nhóm thứ ba chú ý tới năng lực quản trị điểm đến, trong đó nhấn mạnh chất lượng điều phối giữa chính quyền, ban quản lý khu bảo tồn, doanh nghiệp và cộng đồng. Nhóm thứ tư đi sâu vào năng lực sản phẩm, thương hiệu và trải nghiệm. Nhóm thứ năm gần đây mở rộng sang chuyển đổi số, dữ liệu điểm đến, giám sát môi trường và quản trị thông minh.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về du lịch sinh thái chủ yếu tiếp cận theo hướng tài nguyên, tiềm năng, phát triển sản phẩm hoặc du lịch cộng đồng tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia và vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, còn ít công trình xem xét đồng thời cả ba trụ cột: (i) nền tảng tài nguyên - bảo tồn; (ii) năng lực thị trường - sản phẩm - hạ tầng; và (iii) thể chế điều phối - công nghệ - cộng đồng. Trên cơ sở đó, bài viết xây dựng khung phân tích gồm sáu hợp phần: tài nguyên sinh thái và văn hóa; kết nối hạ tầng và tiếp cận; chất lượng sản phẩm và chuỗi giá trị; quản trị điểm đến và thể chế phối hợp; năng lực cộng đồng và nguồn nhân lực; công nghệ, dữ liệu và truyền thông số. Khung này được sử dụng để đánh giá thực trạng cũng như thiết kế kiến nghị chính sách cho miền Tây Nghệ An.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính kết hợp phân tích chính sách. Nguồn dữ liệu chủ yếu là dữ liệu thứ cấp, bao gồm: các công trình học thuật về du lịch sinh thái và phát triển bền vững; các văn bản pháp luật và chiến lược quốc gia liên quan đến du lịch, khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 39-NQ/TW năm 2023; các quyết định của UBND tỉnh Nghệ An về quản lý Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An; báo cáo, thông tin thống kê và tài liệu điều hành của cơ quan quản lý du lịch tỉnh; đồng thời kế thừa nội dung nền

từ tài liệu người dùng cung cấp về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái ở miền Tây Nghệ An. Các phương pháp cụ thể được sử dụng gồm: phương pháp tổng hợp tài liệu nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và khung chính sách; phương pháp phân tích - so sánh nhằm đối chiếu giữa tiềm năng và kết quả thực tế, giữa mục tiêu quy hoạch và năng lực thực hiện; phương pháp diễn dịch và quy nạp nhằm luận giải nguyên nhân của các điểm nghẽn và rút ra hàm ý chính sách.

4. Phân tích thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở miền Tây Nghệ An

4.1. Nền tảng tài nguyên và vị thế không gian của miền Tây Nghệ An

Miền Tây Nghệ An sở hữu nền tảng tài nguyên sinh thái đặc biệt hiếm có ở Việt Nam. Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An được UNESCO ghi nhận là một không gian có giá trị đa dạng sinh học cao với ba vùng lõi là Vườn quốc gia Pù Mát, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông và Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt. Hệ sinh thái tại đây bao quát rừng nhiệt đới, núi cao, đất ngập nước, sông suối và vùng sinh cảnh dọc biên giới, tạo nên một chỉnh thể tài nguyên có tính độc đáo, không dễ sao chép bởi các điểm đến khác. Về lý thuyết phát triển điểm đến, đây là loại tài nguyên gốc có khả năng nâng cấp thành lợi thế cạnh tranh bền vững nếu được tổ chức thành sản phẩm có chiều sâu, giới hạn sức chứa hợp lý và kể được câu chuyện bảo tồn - văn hóa - trải nghiệm một cách thuyết phục.

Điều đáng chú ý là giá trị của miền Tây Nghệ An không chỉ nằm ở tự nhiên. Khu vực này còn là không gian cư trú của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số với kho tàng tri thức bản địa, nghề thủ công, lễ hội, kiến trúc nhà ở, ẩm thực, âm nhạc, tập quán canh tác và ứng xử với rừng. Sự giao thoa giữa tài nguyên sinh thái và tài nguyên văn hóa tạo cho miền Tây Nghệ An điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng, du lịch giáo dục, du lịch nghiên cứu, du lịch chữa lành và du lịch trải nghiệm bản địa. Xét về mặt lý thuyết, đây là tiền đề tốt để hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn so với du lịch tham quan thuần túy.

Tuy nhiên, lợi thế tài nguyên của miền Tây Nghệ An lại đi kèm một đặc điểm bất lợi về không gian: tài nguyên phân bố rộng, địa hình phức tạp, khoảng cách xa trung tâm đô thị lớn, chi phí tiếp cận cao và mức độ phân mảnh của điểm đến còn lớn. Điều này khiến chi phí tổ chức tour, thời gian di chuyển, tính ổn định dịch vụ và khả năng kết nối chuỗi trải nghiệm trở thành những rào cản hiện hữu. Nói cách khác, miền Tây Nghệ An có lợi thế về “độ dày tài nguyên”, nhưng lại yếu ở khâu “nén giá trị” thành sản phẩm thị trường thuận tiện, dễ tiếp cận và dễ tiêu dùng.

4.2. Diễn biến tăng trưởng du lịch Nghệ An và vị trí của du lịch sinh thái giai đoạn 2021-2025

Số liệu giai đoạn 2021-2025 (bảng 1) cho thấy du lịch Nghệ An phục hồi nhanh sau đại dịch và đạt quỹ đạo tăng trưởng tương đối ấn tượng. Năm 2021 là đáy suy giảm do tác động của COVID-19. Từ năm 2022 trở đi, lượng khách và tổng thu tăng mạnh; đến năm 2024, tỉnh đạt 9,45 triệu lượt khách và tổng thu 28.569 tỷ đồng; năm 2025 tiếp tục ước đạt khoảng 9,9 triệu lượt khách và hơn 30.600 tỷ đồng. Nhìn bề ngoài, đây là bức tranh tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, nếu đặt riêng du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An trong cơ cấu

ấy, có thể thấy tốc độ tăng trưởng chung của du lịch tỉnh chưa phản ánh đúng vị thế của khu vực miền Tây. Dòng khách chủ đạo vẫn tập trung mạnh vào các sản phẩm quen thuộc, dễ tiếp cận và có tính mùa vụ cao như du lịch biển, trong khi du lịch sinh thái miền Tây chưa chiếm tỷ trọng tương xứng về lượng khách, thời gian lưu trú và doanh thu.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu du lịch Nghệ An giai đoạn 2021-2025

Năm	Tổng lượt khách	Khách quốc tế	Tổng thu từ khách du lịch
2021	khoảng 1,89 triệu lượt	4.323 lượt	khoảng 879,2 tỷ đồng
2022	6,73 triệu lượt	33.500 lượt	12.343 tỷ đồng
2023	8,36 triệu lượt	77.500 lượt	khoảng 15.000 tỷ đồng
2024	9,45 triệu lượt	120.500 lượt	28.569 tỷ đồng
2025	9,9 triệu lượt	khoảng 135.000 lượt	hơn 30.600 tỷ đồng

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo và thông tin của cơ quan quản lý du lịch Nghệ An giai đoạn 2024-2025; số liệu 2021-2023 được đối chiếu với tài liệu nền người dùng cung cấp và báo cáo quản lý nhà nước của tỉnh.

Thực trạng này phản ánh một vấn đề có tính cấu trúc. Sự tăng trưởng của du lịch tỉnh chủ yếu đến từ khả năng phục hồi nhu cầu thị trường, sự mở rộng của hạ tầng lưu trú tại các khu vực phát triển hơn, cùng nỗ lực xúc tiến du lịch chung của tỉnh. Trong khi đó, du lịch sinh thái miền Tây đòi hỏi một mô hình phát triển khác: đầu tư dài hạn, hạ tầng phù hợp với địa hình, chuẩn dịch vụ nhỏ nhưng chất lượng cao, quản trị tài nguyên chặt chẽ, kể chuyện điểm đến có bản sắc, và đặc biệt là sự tham gia thực chất của cộng đồng địa phương. Những điều kiện này chưa được đáp ứng đồng bộ nên miền Tây Nghệ An mới tham gia một phần vào tăng trưởng du lịch toàn tỉnh, chứ chưa trở thành cực tăng trưởng mới.

4.3. Thực trạng sản phẩm, hạ tầng và khả năng tiếp cận điểm đến sinh thái

Một là, xét về kết cấu sản phẩm, du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An vẫn mang tính tiềm năng nhiều hơn là một hệ sản phẩm được thiết kế hoàn chỉnh. Nhiều tài nguyên nổi trội như Pù Mát, Pù Huống, Pù Hoạt, thác Khe Kèm, các tuyến sông, bản làng dân tộc, trang trại nông nghiệp và không gian văn hóa bản địa mới chỉ dừng ở mức cung cấp “điểm đến” chứ chưa hình thành được các “hành trình trải nghiệm” đủ dày. Sản phẩm thiếu các lớp giá trị gia tăng như diễn giải sinh thái, hoạt động học tập tương tác, ẩm thực bản địa được chuẩn hóa, lưu trú đặc thù, sản phẩm thủ công chất lượng cao, chương trình quan sát thiên nhiên theo mùa, hay các gói nghỉ dưỡng chữa lành gắn với sức khỏe thể chất và tinh thần. Vì vậy, sức hấp dẫn của du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An còn phân tán và khó tạo động lực chi tiêu cao từ du khách.

Hai là, về hạ tầng tiếp cận, miền Tây Nghệ An vẫn đối diện điểm nghẽn then chốt là chi phí di chuyển và tính bất định của hành trình. Mặc dù tỉnh Nghệ An có hệ thống giao thông đa dạng và đang được đầu tư theo Quy hoạch tỉnh, nhưng khả năng kết nối “từ trục chính đến điểm cuối cùng” ở nhiều điểm du lịch sinh thái còn hạn chế. Không ít tuyến đường tới các vùng lõi sinh thái hoặc bản du lịch cộng đồng còn hẹp, xuống cấp theo mùa mưa lũ, thiếu điểm dừng chân, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe nhỏ, cứu hộ cứu nạn và dịch vụ hỗ trợ tối thiểu cho khách đường dài. Khi chi phí tiếp cận cao hơn giá trị trải nghiệm cảm nhận được, thị trường sẽ tự điều chỉnh theo hướng lựa chọn các điểm đến thay thế dễ tiếp cận hơn.

Ba là, về hạ tầng số và thông tin điểm đến, mức độ sẵn sàng của du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An còn thấp so với yêu cầu của thị trường du lịch mới. Nhiều điểm đến chưa có dữ liệu số chuẩn hóa, bản đồ số thân thiện, hệ thống đặt dịch vụ tích hợp, thông tin đa ngôn ngữ, mã QR diễn giải tài nguyên, nền tảng phản hồi du khách thời gian thực, hay công cụ quản trị sức chứa và giám sát chất lượng dịch vụ. Trong thời đại du lịch số, sự thiếu vắng dữ liệu và trải nghiệm số trước chuyến đi sẽ làm suy giảm đáng kể năng lực tiếp cận thị trường, đặc biệt với phân khúc khách trẻ, khách quốc tế, khách học thuật và khách có nhu cầu trải nghiệm chuyên đề.

4.4. Thực trạng quản trị, nguồn nhân lực và vai trò cộng đồng

Một là, cơ chế quản trị điểm đến sinh thái ở miền Tây Nghệ An còn phân tán theo chức năng quản lý hành chính, bảo tồn, đất đai, du lịch, văn hóa và phát triển nông thôn. Trong thực tế, tài nguyên cốt lõi của du lịch sinh thái lại nằm trong các khu vực nhạy cảm về bảo tồn, đòi hỏi phối hợp chặt giữa chính quyền địa phương, sở chuyên ngành, ban quản lý khu bảo tồn, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư vùng đệm. Khi cơ chế điều phối còn thiếu tính tích hợp, việc phát triển du lịch dễ rơi vào hai thái cực: hoặc là bảo tồn quá cứng, khiến tài nguyên không được chuyển hóa thành sinh kế hợp pháp cho người dân; hoặc là khai thác thiếu chuẩn, gây áp lực lên hệ sinh thái. Miền Tây Nghệ An hiện chưa thật sự hình thành được một mô hình quản trị vùng sinh thái - du lịch đủ mạnh để cân bằng hai mục tiêu này.

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực du lịch sinh thái còn là nút thắt lớn. Khác với du lịch đại trà, du lịch sinh thái đòi hỏi nhân lực có hiểu biết đồng thời về sinh thái, văn hóa bản địa, kỹ năng an toàn, kỹ năng diễn giải, ngoại ngữ, phục vụ cá nhân hóa và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường nhạy cảm. Nhiều điểm đến ở miền Tây Nghệ An hiện thiếu đội ngũ hướng dẫn viên bản địa được đào tạo bài bản; lực lượng tham gia phục vụ du lịch cộng đồng chủ yếu học qua trải nghiệm, thiếu chuẩn hóa dịch vụ và còn yếu về quản trị kinh doanh nhỏ. Đây là nguyên nhân khiến chất lượng trải nghiệm du lịch không đồng đều và khó hình thành hình ảnh điểm đến chuyên nghiệp.

Ba là, cộng đồng địa phương tuy có vai trò trung tâm đối với bản sắc điểm đến nhưng mức độ tham gia vào chuỗi giá trị còn chưa sâu. Ở không ít nơi, người dân mới tham gia ở các khâu giá trị thấp như bán hàng nhỏ lẻ, lưu trú đơn giản, biểu diễn văn nghệ theo mùa hoặc cung ứng lao động thời vụ. Nếu không mở rộng vai trò của cộng đồng sang đồng thiết kế sản phẩm, đồng quản trị điểm đến, sở hữu kinh doanh ở quy mô phù hợp và hưởng lợi minh

bach từ bảo tồn, thì du lịch sinh thái rất khó trở thành công cụ phát triển bao trùm. Khi cộng đồng không nhìn thấy lợi ích dài hạn, động lực bảo tồn tài nguyên cũng suy yếu.

4.5. Hạn chế, khó khăn và thách thức trong phát triển du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An

Một là, hạn chế lớn nhất nằm ở chỗ du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An chưa được phát triển như một hệ sinh thái kinh tế hoàn chỉnh. Tài nguyên có, danh tiếng về sinh quyển có, nhu cầu trải nghiệm thiên nhiên - bản địa của thị trường cũng đang tăng, nhưng các thành tố để tạo nên năng lực cạnh tranh tổng thể - từ hạ tầng, sản phẩm, nhân lực, điều phối, công nghệ đến thương hiệu - vẫn vận hành rời rạc. Hệ quả là lợi thế so sánh chưa chuyển thành lợi thế cạnh tranh thực tế.

Hai là, khó khăn về địa hình, khoảng cách và chi phí đầu tư khiến quá trình phát triển du lịch sinh thái ở miền Tây Nghệ An đòi hỏi nguồn lực lớn hơn và thời gian hoàn vốn dài hơn so với nhiều loại hình du lịch khác. Nhà đầu tư tư nhân thường ưu tiên khu vực có hạ tầng sẵn, khả năng đón khách nhanh và vòng quay vốn ngắn; trong khi đi đến sinh thái miền núi lại cần nhiều đầu tư nền tảng nhưng quy mô khai thác phải được kiểm soát để tránh vượt sức chứa. Sự không tương thích giữa logic đầu tư thương mại ngắn hạn và logic bảo tồn - sinh thái dài hạn là một thách thức thực sự.

Ba là, thách thức môi trường và khí hậu ngày càng rõ nét. Miền Tây Nghệ An chịu tác động của thời tiết cực đoan, mưa lũ, sạt lở, nắng nóng kéo dài và tính mùa vụ cao. Với các điểm đến dựa vào rừng, sông suối và sinh cảnh tự nhiên, biến động khí hậu không chỉ làm tăng chi phí bảo trì hạ tầng mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới an toàn du khách, thời gian khai thác sản phẩm và chất lượng trải nghiệm. Nếu không tích hợp tư duy thích ứng khí hậu vào quy hoạch điểm đến, du lịch sinh thái sẽ rất dễ bị tổn thương trước các cú sốc môi trường.

Bốn là, thách thức thị trường không nằm ở việc thiếu khách tiềm năng mà nằm ở chỗ thiếu năng lực chinh phục đúng phân khúc khách. Du lịch sinh thái không nên chạy theo số đông bằng mọi giá; phân khúc phù hợp thường là khách có nhu cầu trải nghiệm sâu, học hỏi, nghỉ dưỡng, nghiên cứu, hoặc khách quốc tế và nội địa có mức chi tiêu khá. Tuy nhiên, để tiếp cận phân khúc này, điểm đến phải tạo được niềm tin về chất lượng, an toàn, bản sắc và tính có trách nhiệm. Hiện nay, du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An vẫn chưa có thương hiệu đủ mạnh ở bình diện quốc gia để thu hút ổn định các nhóm khách mục tiêu.

Năm là, chuyển đổi số trong du lịch sinh thái còn ở giai đoạn rất sớm. Trong bối cảnh Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt yêu cầu phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nếu du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An không nhanh chóng ứng dụng công nghệ trong quản trị điểm đến, truyền thông số, dữ liệu du khách, giám sát môi trường và tối ưu hóa vận hành, khu vực này sẽ khó bứt phá. Nói cách khác, thiếu công nghệ không chỉ là thiếu công cụ quảng bá; đó còn là thiếu năng lực quản trị hiện đại.

5. Kiến nghị chính sách và giải pháp

Một là, cần tái định vị phát triển du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An như một hợp phần chiến lược trong mô hình tăng trưởng xanh của tỉnh, chứ không chỉ là nhánh bổ trợ của ngành du lịch. Tái định vị ở đây hàm ý đưa du lịch sinh thái vào trung tâm của tư duy phát

triển vùng miền Tây, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, sinh kế cộng đồng, phát triển kinh tế dịch vụ ở khu vực miền núi và củng cố an ninh sinh thái - xã hội vùng biên. Trên phương diện thể chế, tỉnh cần cụ thể hóa các định hướng trong Nghị quyết số 39-NQ/TW và Quy hoạch tỉnh Nghệ An thành chương trình hành động chuyên đề cho du lịch sinh thái miền Tây, với mục tiêu, chỉ tiêu, cơ quan đầu mối và lộ trình thực hiện rõ ràng.

Hai là, cần xây dựng mô hình quản trị tích hợp cho không gian du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An. Mô hình này nên dựa trên nguyên tắc điều phối liên ngành và liên địa phương, trong đó có đầu mối đủ thẩm quyền để kết nối các lĩnh vực du lịch, tài nguyên môi trường, lâm nghiệp, văn hóa, giao thông, nông nghiệp, công an, biên phòng và chính quyền cơ sở. Trọng tâm không phải là tăng thêm tầng nấc hành chính, mà là hình thành cơ chế phối hợp thực chất, có chia sẻ dữ liệu, có đồng thẩm định dự án, có chuẩn giám sát môi trường và có quy trình xử lý thống nhất đối với các hoạt động khai thác trong vùng sinh thái nhạy cảm.

Ba là, cần chuyển từ tư duy phát triển đơn điểm sang phát triển cụm sản phẩm và hành lang trải nghiệm. Miền Tây Nghệ An chỉ có thể nâng cao sức hút khi các điểm đến không vận hành đơn lẻ mà được liên kết thành các tuyến và cụm chủ đề như: cụm du lịch sinh thái - nghiên cứu - giáo dục môi trường tại Pù Mát; cụm du lịch cộng đồng - văn hóa dân tộc - làng nghề; cụm nghỉ dưỡng sinh thái - chữa lành - suối khoáng; cụm du lịch nông nghiệp công nghệ cao - trang trại trải nghiệm; và cụm du lịch đường sông kết nối sinh thái - văn hóa. Mỗi cụm cần có “sản phẩm lõi”, “sản phẩm vệ tinh” và “dịch vụ hỗ trợ” để kéo dài thời gian lưu trú, tăng chi tiêu và tạo cơ hội cho nhiều chủ thể địa phương tham gia.

Bốn là, cần ưu tiên đầu tư công có chọn lọc cho hạ tầng xanh và hạ tầng tiếp cận cuối chặng. Trong giai đoạn tới, Nhà nước không nhất thiết đầu tư dàn trải vào mọi nơi, mà cần lựa chọn các điểm có khả năng tạo đột phá và lan tỏa để tập trung nguồn lực cho đường vào điểm đến, biển chỉ dẫn thông minh, bãi đỗ xe sinh thái, nhà vệ sinh đạt chuẩn, trung tâm thông tin du khách, cứu hộ cứu nạn, điện - nước - viễn thông ổn định và các hạ tầng phòng ngừa rủi ro thiên tai. Đối với vùng nhạy cảm sinh thái, nguyên tắc đầu tư phải là nhỏ gọn, thân thiện môi trường, tránh bê tông hóa thô bạo và kiểm soát chặt sức chứa.

Năm là, cần phát triển nguồn nhân lực du lịch sinh thái theo hướng chuẩn hóa nhưng gắn với địa phương hóa. Trước hết, tỉnh cần xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn và trung hạn cho đội ngũ hướng dẫn viên bản địa, chủ homestay, nhóm phụ nữ làm dịch vụ ẩm thực, thanh niên làm truyền thông số, cán bộ quản lý điểm đến và lực lượng tham gia bảo đảm an toàn. Nội dung đào tạo cần bao quát kiến thức sinh thái, diễn giải tài nguyên, văn hóa dân tộc, kỹ năng phục vụ, ngoại ngữ giao tiếp, sơ cứu, an toàn thiên nhiên và kinh doanh số. Về dài hạn, nên hình thành cơ chế hợp tác giữa địa phương với các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp để phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, tránh tình trạng phụ thuộc hoàn toàn vào nhân lực từ nơi khác.

Sáu là, cần đặt cộng đồng địa phương vào vị trí trung tâm của chuỗi giá trị du lịch sinh thái. Điều này không nên dừng ở khẩu hiệu “người dân tham gia làm du lịch”, mà phải cụ thể hóa bằng cơ chế phân chia lợi ích công bằng, hỗ trợ tín dụng nhỏ, tư vấn kinh doanh, phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch, bảo hộ tri thức bản địa, bảo tồn nghề thủ công

và tạo điều kiện để cộng đồng có tiếng nói trong thiết kế sản phẩm cũng như giám sát tác động của du lịch. Chỉ khi cộng đồng thấy rằng bảo tồn mang lại sinh kế bền vững hơn so với khai thác ngắn hạn tài nguyên, du lịch sinh thái mới có nền tảng xã hội vững chắc.

Bảy là, cần thúc đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản trị điểm đến. Từ năm 2026, miền Tây Nghệ An nên triển khai một chương trình số hóa du lịch sinh thái gồm các hợp phần: cơ sở dữ liệu tài nguyên và điểm đến; bản đồ số và định vị tuyến trải nghiệm; mã QR diễn giải tài nguyên bằng đa ngôn ngữ; hệ thống đặt dịch vụ trực tuyến cho homestay, hướng dẫn và tour địa phương; nền tảng thu thập phản hồi du khách; công cụ thông kê dòng khách; giám sát môi trường và cảnh báo rủi ro theo thời gian thực ở những điểm nhạy cảm. Xa hơn, có thể ứng dụng AI vào phân tích hành vi khách, cá nhân hóa gợi ý hành trình, hỗ trợ marketing số và tối ưu vận hành điểm đến. Đây là hướng đi phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong việc coi chuyển đổi số là động lực nâng cao năng suất và hiệu quả quản trị.

Tám là, cần hình thành cơ chế khuyến khích đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án phù hợp với logic du lịch sinh thái thay vì thu hút đầu tư bằng mọi giá. Chính sách ưu đãi nên hướng tới các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức xã hội và nhà đầu tư cam kết bảo tồn, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, phát triển sản phẩm quy mô vừa và nhỏ, tạo việc làm cho người địa phương, chia sẻ lợi ích với cộng đồng và tuân thủ đánh giá tác động môi trường nghiêm ngặt. Đối với các điểm nhạy cảm, cần kiểm soát chặt quy mô xây dựng, mật độ khai thác, loại hình dịch vụ và tiêu chuẩn kiến trúc để tránh lặp lại mô hình phát triển du lịch đại trà không phù hợp.

Chín là, cần đổi mới hoạt động xúc tiến và xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái miền Tây Nghệ An theo hướng kể chuyện điểm đến. Thương hiệu không nên chỉ dựa vào khẩu hiệu chung, mà cần nhấn mạnh bản sắc khác biệt: sinh quyền lớn, đa dạng văn hóa dân tộc, trải nghiệm rừng - sông - bản làng, du lịch học hỏi và nghỉ dưỡng sâu. Hoạt động xúc tiến cần chuyển từ quảng bá đại trà sang marketing số theo phân khúc, hợp tác với các nhà tổ chức tour chuyên đề, mạng lưới nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp du lịch có trách nhiệm, nhà sáng tạo nội dung uy tín và các nền tảng số quốc tế. Sức mạnh của thương hiệu trong du lịch sinh thái đến từ độ tin cậy và chiều sâu trải nghiệm, chứ không chỉ từ tần suất xuất hiện thông tin.

Mười là, cần lồng ghép phát triển du lịch sinh thái với chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số và phát triển kinh tế dưới tán rừng. Miền Tây Nghệ An sẽ khó phát triển du lịch sinh thái bền vững nếu du lịch tách rời sinh kế địa phương và các chương trình phát triển khác. Ngược lại, khi du lịch sinh thái được thiết kế như một đòn bẩy tích hợp cho dịch vụ nông thôn, sản phẩm làng nghề, giáo dục môi trường, bảo tồn cảnh quan và sinh kế vùng đệm, hiệu quả lan tỏa kinh tế - xã hội sẽ cao hơn và động lực bảo tồn cũng bền hơn.

6. Kết luận

Bài viết khẳng định rằng miền Tây Nghệ An có nền tảng rất thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái trở thành một trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch và phát triển vùng của tỉnh. Lợi thế cốt lõi của khu vực không chỉ nằm ở quy mô tài nguyên sinh thái và

giá trị của Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An, mà còn ở sự kết hợp hiếm có giữa đa dạng sinh học và đa dạng văn hóa. Tuy nhiên, lợi thế ấy mới chủ yếu dừng ở dạng tiềm năng. Giai đoạn 2021-2025 cho thấy du lịch Nghệ An tăng trưởng mạnh nhưng du lịch sinh thái miền Tây vẫn chưa bứt phá tương xứng, do những điểm nghẽn về hạ tầng, sản phẩm, quản trị, nguồn nhân lực, công nghệ và cơ chế phối hợp. Vì thế, chìa khóa của giai đoạn từ năm 2026 không chỉ là đầu tư thêm, mà là đầu tư đúng và quản trị đúng: đúng mô hình, đúng phân khúc, đúng không gian, đúng sức chứa, đúng lợi ích cộng đồng và đúng logic của du lịch sinh thái.

Tài liệu tham khảo

1. Buckley, R. (2009). Ecotourism: Principles and practices. CABI.
2. Ceballos-Lascuráin, H. (1996). Tourism, ecotourism, and protected areas. IUCN.
3. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam. (2025, 15 December). Nghệ An đón khoảng 9,9 triệu lượt khách du lịch trong năm 2025. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/65969>
4. Honey, M. (2008). Ecotourism and sustainable development: Who owns paradise? (2nd ed.). Island Press.
5. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội. <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=129350>
6. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-39-nqtw-ngay-1872023-cua-bo-chinh-tri-ve-xay-dung-va-phat-trien-tinh-nghe-an-den-nam-2030-tam-nhin-den-9689>
7. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>
8. Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-quy-hoach-tinh-nghe-an-thoi-ky-2021-2030-tam-nhin-den-nam-2050-119240113075807265.htm>
9. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=198927&pageid=27160>
10. Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường Khu Dự trữ sinh quyển Miền Tây Nghệ An, giai đoạn 2023-2027, định hướng đến năm 2030. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-394-QĐ-UBND-2024-Ke-hoach-quan-ly-moi-truong-Khu-Du-tru-sinh-quyen-Mien-Tay-Nghe-An-600294.aspx>

11. Quyết định số 4031/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về phê duyệt Kế hoạch quản lý Khu Dự trữ sinh quyển Miền Tây Nghệ An giai đoạn 2026-2030. <https://nghean.gov.vn/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh/ubnd-tinh-phe-duyet-ke-hoach-quan-ly-khu-du-tru-sinh-quyen-mien-tay-nghe-an-giai-doan-2026-2030-988454?pageindex=7>
12. Scheyvens, R. (1999). Ecotourism and the empowerment of local communities. *Tourism Management*, 20(2), 245-249. [https://doi.org/10.1016/S0261-5177\(98\)00069-7](https://doi.org/10.1016/S0261-5177(98)00069-7)
13. Sở Du lịch Nghệ An. (2024). Báo cáo gửi Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam về kết quả hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An. https://datafiles.nghean.gov.vn/nan-ubnd/2897/quantritintuc202411/20241010_bao_cao_gui_cuc_du_li20241010034312492_Signed.pdf
14. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nghệ An. (2025, 09 January). Thông tin về một số hoạt động, sự kiện và chương trình xúc tiến du lịch Nghệ An năm 2025. <https://www.nghean.gov.vn/tin-tuc-ve-van-hoa-va-du-lich/thong-tin-ve-mot-so-hoat-dong-su-kien-va-chuong-trinh-xuc-tien-du-lich-nghe-an-nam-2025-710204?pageindex=0>
15. Stone, M. T., & Stone, L. S. (2011). Community-based tourism enterprises: Challenges and prospects for community participation; Khái niệm này được vận dụng như tài liệu nền về cộng đồng trong du lịch sinh thái. *Journal of Sustainable Tourism*, 19(1), 97-114. <https://doi.org/10.1080/09669582.2010.508527>
16. UNESCO. (n.d.). Western Nghe An - Man and the Biosphere Programme. <https://www.unesco.org/en/mab/western-nghe>
17. Weaver, D. (2001). *Ecotourism*. John Wiley & Sons.